

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025 - ĐỢT 2

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành (<i>Chuyên ngành</i>)	Mã ngành
1	TS.25.00281	Lê Hoàng Đình Nguyên	14/09/1994	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Khoa học y sinh (<i>Giải phẫu bệnh</i>)	9720101
2	TS.25.00206	Vũ Huyền Trang	30/10/1991	Gia Lai	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Giải phẫu bệnh</i>)	9720101
3	TS.25.00231	Lý Lệ Uyên	30/10/1992	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Giải phẫu bệnh</i>)	9720101
4	TS.25.00237	Nguyễn Ngọc Hiền	10/01/1992	Vĩnh Long	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Hóa sinh</i>)	9720101
5	TS.25.00208	Nguyễn Tấn Thành	20/02/1991	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Khoa học y sinh (<i>Hóa sinh</i>)	9720101
6	TS.25.00236	Nguyễn Hưng Thịnh	17/10/1994	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Khoa học y sinh (<i>Hóa sinh</i>)	9720101
7	TS.25.00235	Lê Gia Hoàng Linh	06/10/1987	Bình Thuận	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Mô phôi - Di truyền</i>)	9720101
8	TS.25.00210	Nguyễn Anh Xuân	24/05/1991	Lâm Đồng	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Mô phôi - Di truyền</i>)	9720101
9	TS.25.00269	Nguyễn Thị Ngọc	22/10/1981	Hà Nội	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Sinh lý bệnh - Miễn dịch học</i>)	9720101
10	TS.25.00224	Lê Bảo Trân	30/04/1976	Long An	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Sinh lý bệnh - Miễn dịch học</i>)	9720101
11	TS.25.00273	Hồ Ngọc Lợi	26/12/1992	An Giang	Nam	Khoa học y sinh (<i>Sinh lý học</i>)	9720101
12	TS.25.00203	Từ Kim Thanh	20/09/1982	Kiên Giang	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Sinh lý học</i>)	9720101
13	TS.25.00209	Lê Hoàng Ngọc Trâm	26/07/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Khoa học y sinh (<i>Sinh lý học</i>)	9720101

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành
14	TS.25.00221	Thạch Minh Hoàng	11/10/1988	Trà Vinh	Nam	Gây mê hồi sức	9720102
15	TS.25.00284	Doanh Đức Long	09/01/1989	Lâm Đồng	Nam	Gây mê hồi sức	9720102
16	TS.25.00252	Nguyễn Thiên Phú	11/02/1988	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Gây mê hồi sức	9720102
17	TS.25.00251	Trần Ngọc Trung	24/09/1987	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Gây mê hồi sức	9720102
18	TS.25.00229	Nguyễn Thành Luân	03/11/1992	Tây Ninh	Nam	Ngoại khoa (Ngoại - Lồng ngực)	9720104
19	TS.25.00248	Lê Minh Tân	14/5/1985	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Ngoại khoa (Ngoại - Lồng ngực)	9720104
20	TS.25.00280	Trịnh Nguyễn Hạ Vi	16/02/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Ngoại khoa (Ngoại - Nhi)	9720104
21	TS.25.00218	Nguyễn Thanh Hiền	08/05/1993	Hải Phòng	Nữ	Nhi khoa	9720106
22	TS.25.00204	Lê Chí Hiếu	10/10/1992	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Nhi khoa	9720106
23	TS.25.00242	Tôn Thất Hoàng	17/02/1987	Đà Nẵng	Nam	Nhi khoa	9720106
24	TS.25.00233	Văn Thị Thu Hương	23/02/1989	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Nhi khoa	9720106
25	TS.25.00215	Nguyễn Thị Thu Sương	20/11/1985	Cần Thơ	Nữ	Nhi khoa	9720106
26	TS.25.00265	Lê Ngọc Thư	13/12/1990	Vĩnh Long	Nữ	Nhi khoa	9720106
27	TS.25.00239	Huỳnh Thiện Ngôn	16/09/1986	Tây Ninh	Nam	Nội khoa (Huyết học và Truyền máu)	9720107
28	TS.25.00257	Vũ Mạnh Nhân	01/01/1992	Hưng Yên	Nam	Nội khoa (Lão khoa)	9720107
29	TS.25.00276	Đặng Lê Kim Quyên	17/10/1987	Hưng Yên	Nữ	Nội khoa (Lão khoa)	9720107
30	TS.25.00277	Nguyễn Châu Tuấn	24/12/1993	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Nội khoa (Lão khoa)	9720107
31	TS.25.00247	Hồ Thanh Bình	27/08/1970	Đồng Nai	Nam	Nội khoa	9720107
32	TS.25.00213	Dương Minh Ngọc	10/12/1987	Đắk Lắk	Nam	Nội khoa	9720107
33	TS.25.00264	Huỳnh Thị Thanh Phương	26/06/1987	Đồng Tháp	Nữ	Nội khoa	9720107

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành
34	TS.25.00240	Lê Nhật Thảo	06/09/1993	Quảng Trị	Nữ	Nội khoa	9720107
35	TS.25.00287	Trần Song Toàn	13/11/1984	Đồng Nai	Nam	Nội khoa	9720107
36	TS.25.00226	Trương Triển Khang	16/11/1996	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	9720107
37	TS.25.00227	Trịnh Minh Tú	14/08/1976	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	9720107
38	TS.25.00234	Nguyễn Võ Văn Hiến	09/9/1994	Bình Định	Nam	Nội khoa (Tâm thần)	9720107
39	TS.25.00285	Trần Trung Nghĩa	10/10/1975	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Nội khoa (Tâm thần)	9720107
40	TS.25.00246	Phạm Xuân Lãnh	01/01/1984	Quảng Ngãi	Nam	Nội khoa (Thần kinh)	9720107
41	TS.25.00249	Nguyễn Bích Y Linh	12/01/1995	Kiên Giang	Nữ	Nội khoa (Thần kinh)	9720107
42	TS.25.00260	Đoàn Văn Anh Vũ	06/02/1993	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Nội khoa (Thần kinh)	9720107
43	TS.25.00259	Nguyễn Thị Hồng Anh	27/08/1976	Vĩnh Long	Nữ	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	9720109
44	TS.25.00271	Phan Quang Hiếu	22/12/1987	Đà Nẵng	Nam	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	9720109
45	TS.25.00262	Lê Hồng Ngọc	24/12/1977	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	9720109
46	TS.25.00278	Đặng Vũ Thông	27/03/1972	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	9720109
47	TS.25.00241	Nguyễn Hưng Thuận	11/03/1989	Hà Nội	Nam	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	9720109
48	TS.25.00303	Huỳnh Phương Hải	10/04/1981	Thanh Hóa	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
49	TS.25.00300	Võ Thị Thúy Hằng	17/11/1982	Long An	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
50	TS.25.00302	Bùi Thị Song Hạnh	21/11/1991	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
51	TS.25.00295	Phạm Thị Tường Minh	30/06/1981	Đồng Tháp	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
52	TS.25.00298	Nguyễn Hồ Thị Nga	07/10/1984	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành
53	TS.25.00297	Nguyễn Tấn Tài	19/06/1991	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
54	TS.25.00299	Lê Minh Thắng	15/12/1989	Gia Lai	Nam	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
55	TS.25.00304	Phạm Thị Hiếu Thảo	22/06/1986	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
56	TS.25.00294	Nguyễn Thị Minh Trang	23/01/1987	Gia Lai	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
57	TS.25.00301	Nguyễn Trương Hoàng Trang	06/02/1994	Quảng Nam	Nữ	Điện quang và Y học hạt nhân	9720111
58	TS.25.00266	Nguyễn Hồ Hồng Hạnh	19/03/1987	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Dịch tễ học	9720117
59	TS.25.00202	Lê Phước Hùng	18/04/1971	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Dịch tễ học	9720117
60	TS.25.00291	Nguyễn Mạnh Hùng	20/12/1981	Hà Tĩnh	Nam	Dịch tễ học	9720117
61	TS.25.00245	Lê Hoà Khánh	11/07/1982	Khánh Hòa	Nam	Dịch tễ học	9720117
62	TS.25.00288	Nguyễn Thị Tuyết Nga	01/06/1982	Đồng Nai	Nữ	Dịch tễ học	9720117
63	TS.25.00261	Cửu Nguyễn Thiên Thanh	17/04/1976	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Dịch tễ học	9720117
64	TS.25.00225	Phan Minh Toàn	23/03/1989	Đồng Nai	Nam	Dịch tễ học	9720117
65	TS.25.00283	Phạm Phú Vinh	05/12/1975	Hà Nội	Nam	Dịch tễ học	9720117
66	TS.25.00279	Trần Hoàn	15/02/1994	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Tai - Mũi - Họng	9720155
67	TS.25.00275	Trần Thị Thanh Hồng	28/12/1982	Quảng Bình	Nữ	Tai - Mũi - Họng	9720155
68	TS.25.00255	Vũ Đức Nhân	03/05/1994	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Tai - Mũi - Họng	9720155
69	TS.25.00222	Nguyễn Khắc Sơn	30/10/1995	Gia Lai	Nam	Tai - Mũi - Họng	9720155
70	TS.25.00274	Nguyễn Thanh Tâm	23/04/1975	Hậu Giang	Nam	Tai - Mũi - Họng	9720155
71	TS.25.00256	Lê Nguyễn Trọng Tín	16/07/1996	Đồng Tháp	Nam	Tai - Mũi - Họng	9720155
72	TS.25.00228	Tôn Tường Trí Hải	16/06/1991	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Nhân khoa	9720157
73	TS.25.00289	Trần Đăng Đình Khang	01/11/1989	Cần Thơ	Nam	Nhân khoa	9720157

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành
74	TS.25.00232	Lê Kim Ngân	05/07/1994	Vĩnh Long	Nữ	Nhân khoa	9720157
75	TS.25.00292	Hồ Đoan Trang	15/04/1995	Bến Tre	Nữ	Nhân khoa	9720157
76	TS.25.00205	Lê Nhất Linh	02/04/1996	Quảng Ngãi	Nam	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc	9720202
77	TS.25.00223	Lê Thị Minh Ngọc	14/03/1984	Đồng Tháp	Nữ	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc	9720202
78	TS.25.00230	Nguyễn Công Phi	18/10/1976	Cần Thơ	Nam	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc	9720202
79	TS.25.00217	Nguyễn Hữu Thìn	18/12/2000	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc	9720202
80	TS.25.00253	Lê Xuân Trường	19/01/1977	Vĩnh Long	Nam	Công nghệ dược phẩm và bảo chế thuốc	9720202
81	TS.25.00220	Nguyễn Lê Hoàng Sơn	09/06/1997	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Hóa dược	9720203
82	TS.25.00254	Nguyễn Đức Tri Thức	16/07/1993	Long An	Nam	Hóa dược	9720203
83	TS.25.00214	Nguyễn Thị Thu Trang	18/04/1987	Quảng Trị	Nữ	Dược liệu - Dược học cổ truyền	9720206
84	TS.25.00244	Nguyễn Thanh Huy	15/05/1991	Hậu Giang	Nam	Tổ chức quản lý dược	9720212
85	TS.25.00200	Võ Công Nhận	19/05/1977	Tây Ninh	Nam	Tổ chức quản lý dược	9720212
86	TS.25.00219	Đặng Hữu Tâm	13/07/1980	Đồng Tháp	Nam	Tổ chức quản lý dược	9720212
87	TS.25.00201	Phạm Thái Bình	05/02/1974	Khánh Hòa	Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	9720601
88	TS.25.00282	Trần Thị Bích Cẩm	13/10/1998	Đà Nẵng	Nữ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	9720601
89	TS.25.00238	Vũ Thị Châm	20/08/1986	Lâm Đồng	Nữ	Y tế công cộng	9720701
90	TS.25.00250	Nguyễn Ngọc Duy	04/10/1982	Hà Nội	Nam	Y tế công cộng	9720701
91	TS.25.00268	Đinh Thanh Long	16/04/1989	Đắk Lắk	Nam	Y tế công cộng	9720701
92	TS.25.00286	Hoàng Việt Phương	17/05/1986	Quảng Ninh	Nam	Y tế công cộng	9720701

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Ngành (Chuyên ngành)	Mã ngành
93	TS.25.00211	Lê Đăng Quang	13/02/1980	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Y tế công cộng	9720701
94	TS.25.00258	Trần Thức Thiện	05/02/1988	TP.Hồ Chí Minh	Nam	Y tế công cộng	9720701
95	TS.25.00207	Phạm Nhật Trọng	04/09/1978	Đồng Tháp	Nam	Y tế công cộng	9720701

(*Ấn định danh sách có 95 thí sinh đủ điều kiện dự tuyển.*)

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**Ngô Quốc Đạt
HIỆU TRƯỞNG**